TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18** /2019/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Hà
2. Bà Vũ Thị Thanh lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 247/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số 27 đường M, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn*: Chị H, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2018 của nguyên đơn anh T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H sống chung với nhau từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 12/10/2011. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh quá nhiều mâu thuẫn do cả hai có quan điểm sống khác nhau như về tình cảm, công việc, vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau, phần ai người đó sống và không còn sống

chung với nhau từ tháng 3/2018 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không thể hàn gắn được, nếu kéo dài sẽ gây ảnh hưởng đến cuộc sống của mỗi người và cả con cái. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu xin được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh G, sinh ngày 11/5/2014, ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là 01 triệu đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Qúa trình sống chung vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian sống chung, đăng kí kết hôn, tổ chức lễ cưới, sự tự nguyện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng, trong thời gian sống chung đã phát sinh nhiều mâu thuẫn vì những lý do về tình cảm, công việc, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng có đánh nhau, tuy nhiên không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đến giải quyết. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, 03 lần chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã L, huyện B để sinh sống rồi trở về. Lần thứ 3 chị trở về nhà thì gia đình chồng không chấp nhận nên từ tháng 3/2018 đến nay chị ở nhà mẹ đẻ, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Do chị theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn nên chị không đồng ý ly hôn với anh T.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Huỳnh G, sinh ngày 11/5/2014, nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 03 triệu đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi vợ chồng ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị thống nhất như anh T trình bày.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để chị H cung cấp chứng cứ chứng minh về thu nhập của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để chị H cung cấp chứng cứ chứng minh về thu nhập của anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về việc cung cấp chứng cứ nhưng chị H cho rằng không đồng ý ly hôn nên chị không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, chị H thừa nhận vấn đề này nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 96, Điều 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, không có căn cứ tạm ngừng phiên tòa.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H nên xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H quen biết và tìm hiểu nhau trong khoảng 2,5 năm thì được hai bên gia đình đồng ý, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2011 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong thời gian sống chung, anh T và chị H đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, công việc của vợ chồng khác nhau, mỗi khi vợ chồng nói chuyện với nhau thì thường xảy ra cãi vã, xô xác. Do đó, chị H nhiều lần tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng không còn thương yêu nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, phần ai người đó sống và thực tế vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3/2018 đến nay.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định trong cuộc sống chung giữa anh T và chị H không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh T và chị H được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Trong thời gian sống chung, anh T và chị H có 01 người con chung là Huỳnh G, sinh ngày 11/5/2014. Nay vợ chồng ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng, chị H cũng có nguyện vọng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là Huỳnh G cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 03 triệu đồng/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật mà không chứng minh được thu nhập thực tế của anh

T nên Hội đồng xét xử buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị H đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T xin ly hôn với chị H và có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 143, Điều 144, Điều 147, 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn*" của anh T đối với chị H.

Xử cho anh T được ly hôn với chị H.

2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh G, sinh ngày 11/5/2014 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính tháng 6/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0005497 ngày 19/12/2018 tại Chi cục thi hành án

dân sự huyện B, anh T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Biên

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2019.
Tại Toà án nhân dân huyện B.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Biên
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hà
Bà Vũ Thị Thanh Lý

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 247/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh T, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Số 27 đường M, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn*: Chị H, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn 13, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. **Về quan hệ tranh chấp**:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân: Tranh chấp về việc "Ly hôn"
+ Ý kiến chủ tọa: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.
+ **HĐXX biểu quyết**: Thống nhất 3/3.

2. **Về áp dụng pháp luật**:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân:
Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 143, Điều 144, Điều 147, 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
+ **Ý kiến chủ tọa**: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.
+ **HĐXX biểu quyết**: Thống nhất 3/3.

3. **Về đường lối giải quyết vụ án**:

+ Ý kiến 02 hội thẩm nhân dân:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Ly hôn*" của anh T với chị H. Xử cho anh T với chị H được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh G, sinh ngày 11/5/2014 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng tính tháng 6/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0005497 ngày 19/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, anh T còn phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ **Ý kiến chủ tọa**: Thống nhất với ý kiến 02 HTND.

+ **HĐXX biểu quyết**: Thống nhất 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hà - Vũ Thị Thanh Lý **Trần Văn Biên**